

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

ĐÀO DŨNG TRÍ

**TÍN DỤNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI
NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO
TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 02 NĂM 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

ĐÀO DŨNG TRÍ

**TÍN DỤNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI
NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO
TẠI TỈNH LÂM ĐỒNG**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
(BẢO VỆ CẤP TRƯỜNG)**

Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng

Mã số ngành: 9 34 02 01

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS NGUYỄN THỊ LOAN

TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 02 NĂM 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi tên là: ĐÀO DŨNG TRÍ

Sinh ngày: 14/3/1972 – Tại: thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Quê quán: xã Phú Lý, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam

Hiện đang công tác tại: Quỹ Đầu tư phát triển Lâm Đồng

Là nghiên cứu sinh khóa XXI của trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh
– Mã nghiên cứu sinh:

Đề tài luận án:

“Tín dụng ngân hàng thương mại đối với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại tỉnh Lâm Đồng”

Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng. Mã số: 9 34 02 01.

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Thị Loan.

Luận án được thực hiện tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Tôi xin cam đoan luận án này chưa từng được trình nộp để lấy học vị Tiến sĩ tại bất cứ một cơ sở đào tạo nào. Luận án này là công trình nghiên cứu của riêng tác giả, kết quả nghiên cứu là trung thực, trong đó không có các nội dung đã được công bố trước đây hoặc các nội dung do người khác thực hiện ngoại trừ các trích dẫn được dẫn nguồn đầy đủ trong luận án.

Trong quá trình thực hiện luận án không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự chia sẻ và hướng dẫn thêm từ Quý Thầy/Cô, các nhà khoa học để tôi có thể hoàn thiện nghiên cứu tốt hơn.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan danh dự của tôi.

Đà Lạt, ngày 03 tháng 02 năm 2020

Tác giả

Đào Dũng Trí

LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian làm nghiên cứu sinh tại trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh, tôi đã được trau dồi và tích lũy thêm nhiều kiến thức quý báu cho bản thân. Luận án là kết quả của quá trình nghiên cứu thực tiễn, học tập, kết hợp với những kiến thức được truyền đạt tại trường.

Để có được kết quả nghiên cứu này, bản thân tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến Ban Giám hiệu, tập thể các Thầy, Cô giáo của trường đã trang bị cho tôi những kiến thức nền tảng cùng các kỹ năng nghiên cứu để hoàn thành luận án này.

Cám ơn Ban lãnh đạo và các anh, chị chuyên viên Phòng Đào tạo sau đại học đã giúp đỡ tôi hoàn thành các điều kiện, thủ tục cần thiết trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu và bảo vệ.

Cám ơn Ban Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Lâm Đồng, lãnh đạo các ngân hàng thương mại, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, các sở ngành có liên quan và các bạn cộng tác viên đã hỗ trợ tôi rất nhiều trong việc thu thập dữ liệu, thảo luận để xây dựng luận án.

Đặc biệt, tôi kính gửi lời cảm ơn sâu sắc đến PGS.TS. Nguyễn Thị Loan đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn chỉnh luận án.

Cuối cùng, tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, bạn bè và những người thân đã hỗ trợ rất lớn về mặt tinh thần, động viên, giúp đỡ tôi vượt qua những khó khăn để hoàn thành luận án tiến sĩ.

TÓM TẮT LUẬN ÁN

Luận án được thực hiện trong bối cảnh ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNCNC) của tỉnh Lâm Đồng đang phát triển mạnh mẽ nhưng dòng vốn tín dụng từ các ngân hàng thương mại (NHTM) đối với lĩnh vực này lại phát triển chưa tương xứng. Nhằm luận giải sự bất cập này, luận án đã thực hiện hai nghiên cứu để giải quyết bốn mục tiêu. *Nghiên cứu thứ nhất* kết hợp giữa định tính và định lượng, phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh các dữ liệu thứ cấp và sơ cấp thu thập được đã giải quyết hai mục tiêu đầu tiên là tìm hiểu, phân tích thực trạng việc cấp vốn tín dụng từ phía các NHTM và nhu cầu tiếp cận vốn tín dụng đối với sản xuất NNCNC từ phía các khách hàng sản xuất NNCNC. Kết quả phân tích dữ liệu thu được cho thấy, hoạt động tín dụng đối với NNCNC tuy có nhiều tiềm năng phát triển nhưng lại đang gặp phải một số khó khăn và điểm nghẽn như: Việc định giá tài sản thế chấp còn thấp, quy trình hồ sơ còn phức tạp, chưa có nhiều hình thức thế chấp tài sản, hạn mức cho vay chưa đáp ứng nhu cầu, thời gian giải ngân còn chậm, thời gian cho vay chưa phù hợp với thời gian hoàn vốn và tồn thêm các khoản chi phí không chính thức trong quá trình vay vốn v.v.

Nghiên cứu thứ hai được thực hiện để giải quyết mục tiêu thứ ba, đó là nhận diện và đo lường sự tác động của các yếu tố đến ý định cấp tín dụng của các nhân viên tín dụng tại các NHTM trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng cho sản xuất NNCNC. Luận án đã lược khảo những khung lý thuyết về hành vi như TPB, TAM, ECT và cảm nhận rủi ro, từ đó tích hợp chúng để xây dựng mô hình lý thuyết giải thích cho ý định cấp tín dụng cho sản xuất NNCNC. Nghiên cứu này được xây dựng bằng phương pháp định lượng để kiểm định mô hình lý thuyết đã đề ra. Hai mô hình riêng biệt được sử dụng để tiên đoán cho *ý định chấp nhận* và *ý định duy trì* cấp tín dụng lần lượt của các nhân viên chưa từng/hoặc đã từng thực hiện hợp đồng tín dụng cho khách hàng vay vốn sản xuất NNCNC. Kết quả mô hình đo lường của cả hai mô hình trên cho thấy các thang đo đạt độ tin cậy, độ giá trị hội tụ, độ giá trị phân biệt và độ giá trị nội dung tốt. Kết quả hai mô hình cấu trúc SEM đã kiểm định những giả thuyết nghiên cứu đề ra, với 6/8 giả thuyết của cả hai mô hình, thứ nhất và thứ hai được ủng hộ. Kết quả kiểm định đã lý giải được những nguyên nhân ảnh hưởng đến ý định hành vi cấp tín dụng của các nhân viên tín dụng cho sản xuất NNCNC.

Từ các kết quả của hai nghiên cứu, luận án đã hoàn thành *mục tiêu cuối cùng* là đề xuất các giải pháp, khuyến nghị nhằm phát triển tín dụng NHTM đối với sản xuất NNCNC trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng nói riêng và cả nước nói chung.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Diễn giải
1	ACB	Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu
2	Agribank	Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam
3	BIDV	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam
4	CFA	Phân tích nhân tố khẳng định
5	ĐBĐTTS	Đồng bào dân tộc thiểu số
6	DN	Doanh nghiệp
7	Dong A	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á
8	EFA	Phân tích nhân tố khám phá
9	GDP	Gross Domestic Product – Tổng sản phẩm quốc nội
10	GlobalGAP	Global Good Agricultural Practical – Tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu
11	GRDP	Gross Regional Domestic Product – Tổng sản phẩm địa bàn
12	HTX	Hợp tác xã
13	HĐND	Hội đồng nhân dân
14	IPA	Importance – Performance Analysisic -Lưới tầm quan trọng, chất lượng dịch vụ
15	LienvietPostBank	Ngân hàng Bưu điện Liên Việt
16	MBBank	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội
17	NHNN	Ngân hàng Nhà nước
18	NHTM	Ngân hàng thương mại
19	NNCNC	Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
20	NNNT	Nông nghiệp nông thôn
21	NQ	Nghị quyết
22	QĐ	Quyết định
23	Sacombank	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài gòn Thương tín
24	SEM	Mô hình cấu trúc tuyến tính
25	TCTD	Tổ chức tín dụng
26	TP	Thành phố
27	TT	Thông tư

28	TTg	Thủ tướng Chính phủ
29	TTSTH	Trung tâm sau thu hoạch
30	TU	Tỉnh ủy
31	UBND	Ủy ban nhân dân
32	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam
33	VietGAHP	Vietnamese Good Animal Husbandry Practices – Thực hành sản xuất chăn nuôi tốt ở Việt Nam
34	VietGAP	Vietnamese Good Agricultural Practices - Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam
35	Vietinbank	Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

DANH MỤC BẢNG

Bảng 4.1 Thống kê về cho vay NNNT của các NHTM tại Lâm Đồng.....	79
Bảng 4.2 Tổng hợp tình hình cho vay NNCNC giai đoạn 2012-2018.....	80
Bảng 4.3 Mô tả đối tượng mẫu khảo sát	86
Bảng 4.4 Đặc tính về nhân khẩu học.....	87
Bảng 4.5 Đặc tính sản xuất nông nghiệp của đối tượng trong mẫu khảo sát.....	88
Bảng 4.6 Kinh nghiệm sản xuất NNCNC của đối tượng nghiên cứu	89
Bảng 4.7 Khảo sát các lo lắng của đối tượng tham gia sản xuất NNCNC.....	90
Bảng 4.8 Khảo sát đối tượng đã vay NNCNC về mục đích sử dụng tiền vay	91
Bảng 4.9 Khảo sát đối tượng nghiên cứu về nguồn vốn khác để SX NNCNC.....	91
Bảng 4.10 Khảo sát đối tượng nghiên cứu về hình thức thế chấp vay NHTM.....	92
Bảng 4.11 Khảo sát về nhu cầu vay NHTM để sản xuất NNCNC	92
Bảng 4.12 Khảo sát lý do khách hàng chưa vay NHTM để sản xuất NNCNC	93
Bảng 4.13 Khảo sát khó khăn trong quá trình vay NHTM để sản xuất NNCNC	94
Bảng 4.14 Phân bổ mẫu khảo sát về đối tượng NHTM	94
Bảng 4.15 Các tiêu chí đánh giá sử dụng cho lưới phân tích IPA	95
Bảng 4.16 Khảo sát khách hàng về hiệu quả sử dụng vốn vay SXNNCNC.....	97
Bảng 4.17 Khảo sát kết quả kinh doanh NNCNC của đối tượng khảo sát	98
Bảng 4.18 Mối quan hệ và tinh thần kinh doanh của khách hàng sản xuất NNCNC	99
Bảng 4.19 Khảo sát khách hàng về thực trạng đầu ra nông sản.....	100
Bảng 4.20 Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha cho các thang đo	104
Bảng 4.20 Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha cho các thang đo (tt)	105
Bảng 4.21 Kết quả phân tích EFA.....	106
Bảng 4.22 Kết quả Độ tin cậy thang đo Chuẩn chủ quan	110
Bảng 4.23 Độ giá trị hội tụ của các thang đo	111
Bảng 4.24 Độ tin cậy, độ giá trị hội tụ và phân biệt	112
Bảng 4.25 Kết quả mô hình cấu trúc SEM.....	113
Bảng 4.26 Kết quả ước lượng bằng Bootstrap	114
Bảng 4.27 Thực trạng của cácyếu tố trong mô hình thứ nhất	116
Bảng 4.28 Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha cho các thang đo	119
Bảng 4.28 Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha cho các thang đo (tt)	120

Bảng 4.29 Kết quả phân tích EFA.....	122
Bảng 4.29 (tt) Kết quả phân tích EFA.....	123
Bảng 4.30 Kết quả Cronbach'Alpha cho các nhân tố mới.....	127
Bảng 4.31 Kết quả độ tin cậy thang đo Chuẩn chủ quan	129
Bảng 4.32 Kết quả độ tin cậy thang đo Cảm nhận rủi ro	131
Bảng 4.33 Độ giá trị hội tụ của các thang đo	133
Bảng 4.34 Độ giá trị phân biệt giữa các thang đo	134
Bảng 4.35 Kết quả mô hình cấu trúc SEM.....	136
Bảng 4.36 Kết quả ước lượng bằng Bootstrap	137
Bảng 4.37 Thực trạng của các yếu tố trong mô hình thứ hai	139

DANH MỤC HÌNH

Hình 2.1 Lý thuyết hành vi có hoạch định (TPB)	38
Hình 2.2 Mô hình chấp nhận công nghệ (TAM).....	41
Hình 2.3 Mô hình lý thuyết về sự mong đợi – sự xác nhận (ECT).....	43
Hình 2.4 Mô hình tích hợp của Lee (2009).....	45
Hình 2.5 Mô hình hậu chấp nhận (Post-acceptance-Model).....	46
Hình 2.6 Mô hình tích hợp của Liao & cộng sự (2007).....	48
Hình 2.7 Mô hình nghiên cứu lý thuyết	51
Hình 3.1 Quy trình của nghiên cứu thứ nhất.....	54
Hình 3.2 Lưới phân tích IPA mẫu.....	60
Hình 3.3 Quy trình nghiên cứu thứ hai	62
Hình 3.4 Mô hình nghiên cứu thứ nhất	63
Hình 3.5 Mô hình nghiên cứu thứ hai	65
Hình 4.1 Cơ cấu doanh số cho vay NNCNC phân theo NHTM tại Lâm Đồng.....	81
Hình 4.2 Tỷ trọng doanh số cho vay NNNT và NNCNC của NH tại Lâm Đồng	82
Hình 4.3 Cơ cấu dư nợ vay NNCNC tại các NHTM tỉnh Lâm Đồng.....	82
Hình 4.4 Tỷ trọng dư nợ cho vay NNCNC của NHTM tại Lâm Đồng	83
Hình 4.5 Khách hàng vay NNCNC và NNNT tại các NHTM tỉnh Lâm Đồng	83
Hình 4.6 Số lượng khách hàng có dư nợ vay NNCNC tại các NHTM tỉnh Lâm Đồng .	84
Hình 4.7 Nợ xấu cho vay NNNT và NNCNC của NHTM tại Lâm Đồng.....	84
Hình 4.8 Khảo sát về Lưới tầm quan trọng – Chất lượng dịch vụ tín dụng.....	97
Hình 4.9 Kết quả CFA cho thang đo Chuẩn chủ quan.....	109
Hình 4.10 Kết quả mô hình đo lường tới hạn.....	110
Hình 4.11 Kết quả mô hình cấu trúc SEM	113
Hình 4.12 Kết quả mô hình nghiên cứu thứ nhất	116
Hình 4.13 Kết quả CFA cho thang đo Chuẩn chủ quan.....	128
Hình 4.14 Kết quả CFA thang đo Cảm nhận rủi ro	130
Hình 4.15 Kết quả mô hình đo lường tới hạn.....	132
Hình 4.16 Mô hình nghiên cứu hiệu chỉnh.....	135
Hình 4.17 Kết quả mô hình cấu trúc tuyến tính SEM	136
Hình 4.18 Kết quả mô hình nghiên cứu thứ hai	139
Hình 5.1 Sơ đồ triển khai cơ sở dữ liệu tài chính nông nghiệp.....	161